**Chương 5: CƠ CẤU XH GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP…**

**=========**

**Câu 1:** Cơ cấu xã hội là những … cùng toàn bộ những mối … do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng đó tạo nên. Trong dấu “…” là?

**Cộng đồng người/quan hệ xã hội.**

Giai cấp/kinh tế.

Con người/liên hệ.

Thiết chế/quan hệ xã hội.

Câu 2: … là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu TLSX, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội … giữa các giai cáp, tầng lớp đó. Dấu “…” là?

**Cơ cấu xã hội/giai cấp.**

Cơ cấu xã hội/dân cư.

Cơ cấu xã hội/ nghề nghiệp.

Cơ cấu xã hội/dân tộc.

Câu 3: Ở Việt Nam hiện nay, cơ cấu xã hội giai cấp gồm:

Giai cấp công nhân.

Giai cấp nông dân.

Đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân.

**Ba phương án trên đúng.**

Câu 4: Cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi:

**Cơ cấu kinh tế.**

Cơ cấu chính trị.

Cơ cấu văn hóa xã hội.

Ba nhận định trên đúng.

Câu 5: Sự biến đổi của … tất yếu ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Từ còn thiếu là?

**Cơ cấu xã hội – giai cấp.**

Cơ cấu xã hội – kinh tế.

Cơ cấu xã hội – dân cư.

Cơ cấu xã hội – nghề nghiệp.

Câu 6: … là căn cứ để xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của mỗi giai đoạn. Dấu “…” là?

**Cơ cấu xã hội – giai cấp.**

Cơ cấu kinh tế.

Cơ cấu xã hội – kinh tế.

Cơ cấu xã hội – nghề nghiệp.

Câu 7: Ở Việt Nam hiện nay, giai cấp công nhân có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp … cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ còn thiếu là?

**Lãnh đạo.**

Quản lý.

Tiên tiến.

Đi đầu.

Câu 8: Ở Việt Nam hiện nay, giai cấp nào có vai trò quan trọng đặc biệt quan trọng, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

**Giai cấp công nhân.**

Giai cấp nông dân.

Đội ngũ trí thức.

Đội ngũ doanh nhân.

Câu 9: Ở Việt Nam hiện nay, giai cấp nào có vai trò quan trọng đặc biệt quan trọng, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn?

Giai cấp công nhân.

**Giai cấp nông dân.**

Đội ngũ trí thức.

Đội ngũ doanh nhân.

Câu 10: Ở Việt Nam hiện nay, giai cấp nào là chủ thể của quá trình xây dựng nông thôn mới?

Giai cấp công nhân.

**Giai cấp nông dân.**

Đội ngũ trí thức.

Đội ngũ doanh nhân.

Câu 11: Phát triển … lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cộng hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiến bộ và trình độ quản lý, kinh doanh giỏi. Từ còn thiếu là?

Giai cấp công nhân.

Giai cấp nông dân.

Đội ngũ trí thức.

**Đội ngũ doanh nhân.**

Câu 12: Ở Việt Nam, bộ phận nào dưới đây trong giai cấp công nhân sẽ ngày càng lớn mạnh?

**Công nhân trí thức.**

Công nhân truyền thống.

Công nhân lao động.

Ba nhân định đều sai.

Câu 13: Chọn phương án đúng nhất: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh … do Đảng lãnh đạo.

**Công – nông – trí thức.**

Công – nông – trí và doanh nhân.

Các dân tộc.

Công – nông.

Câu 14: Cơ cấu xã hội là gì?

**Là tổng thể những cộng đồng người cùng toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng đó tạo nên.**

Là tổng thể các chế độ xã hội trong lịch sử và mối quan hệ giữa các chế độ xã hội đó.

Là tổng thể hình thái kinh tế xã hội cùng toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng đó tạo nên.

Là tổng thể lực lượng lao động cùng toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng đó tạo nên.

Câu 15: Cơ cấu xã hội – giai cấp là gì?

**Là tổng thể các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định cùng với mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp đó.**

Là tổng thể các giai cấp, tầng lớp xã hội thống nhất về lợi ích trong một chế độ xã hội nhất định cùng với mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp.

Là tổng thể các tổ chức chính trị xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định cùng với mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp.

Là tổng thể các cộng đồng người tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định cùng với mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp đó.

Câu 16: Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong hệ thống cơ cấu xã hội là gì?

**Cơ cấu xã hội – giai cấp giữ vị trí trung tâm trong cơ cấu xã hội.**

Cơ cấu xã hội – giai cấp giữ vị trí ngang bằng trong hệ thống cơ cấu xã hội.

Cơ cấu xã hội – giai cấp giữ vị trí độc lập trong hệ thống cơ cấu xã hội.

Cơ cấu xã hội – giai cấp giữ vị trí đối kháng với hệ thống cơ cấu xã hội.

Câu 17: Để nhận diện cơ cấu xã hội – giai cấp phải căn cứ vào?

**Quan hệ sản xuất.**

Lực lượng sản xuất.

Kiến trúc thượng tầng.

Ý thức xã hội.

Câu 18: Yếu tố nào có ý nghĩa quyết định đến sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp?

**Cơ cấu kinh tế.**

Cơ cấu chính trị.

Cơ cấu văn hóa.

Cơ cấu văn hóa xã hội.

Câu 19: Yếu tố nào quy định sự đa dạng, phức tạp của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

**Sự đa dạng và phức tạp của cơ cấu kinh tế.**

Sự đa dạng phức tạp của tư tưởng chính trị.

Sự đa dạng, phức tạp của tình hình chính trị kinh tế quốc tế.

Sự đa dạng, phức tạp của mối quan hệ giữa các cộng đồng trong xã hội.

Câu 20: Đấu tranh giai cấp và liên minh giai cấp là … của quan hệ giai cấp trong một chế độ xã hội nhất định. Từ còn thiếu là?

**2 mặt.**

2 giai đoạn.

Nguyên nhân.

Mục tiêu.

Câu 21: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến đấu tranh giữa các giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là?

**Mâu thuẫn giữa LLSX và quan hệ sản xuất.**

Mâu thuẫn giữa các giai cấp.

Mâu thuẫn giữa các hệ tư tưởng chính trị khác nhau.

Ba nhận định trên đúng.

Câu 22: Vì sao các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH vừa có đấu tranh vừa có sự liên minh?

**Vì lợi ích của các giai cấp và tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH vừa có sự đối kháng, vừa có sự thống nhất.**

Vì hệ tư tưởng của các giai cấp và tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH có sự mâu thuẫn.

Vì trình độ văn hóa của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đối kháng với nhau.

Vì nền kinh tế trong thời kỳ quá độ là nền kinh tế thị trường.

Câu 23: Liên minh giữa giai cấp công nhân – nông dân – trí thức trong thời kỳ quá độ biểu hiện trên lĩnh vực chính trị là?

**Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức đoàn kết, hợp tác để xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền dân chủ XHCN.**

Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân hợp tác để xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền dân chủ XHCN.

Giai cấp công nhân với tầng lớp trí thức đoàn kết, hợp tác để xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền dân chủ XHCN.

Giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức đoàn kết, hợp tác để cùng xây dựng một quan hệ sản xuất mới.

Câu 24: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là gì?

**Sự thống nhất về lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.**

Sự thống nhất về trình độ và tư tưởng lập trường của các giai cấp tầng lớp trong xã hội.

Sự thống nhất về cơ cấu tổ chức và đường lối lãnh đạo của Đảng cầm quyền.

Sự thống nhất về lịch sử hình thành và vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Câu 25: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tại sao giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác lại liên minh với nhau?

**Vì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác có sự thống nhất về lợi ích và mục đích.**

Vì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác có ý thức tự giác cao.

Vì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động đều có tổ chức đảng.

Vì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động có trình độ học vấn cao.

Câu 26: Vì sao liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là liên minh đặc biệt?

**Vì trong liên minh đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức không chia nhau quyền lãnh đạo mà liên minh dưới sự lãnh đạo của một giai cấp tiến bộ.**

Vì trong liên minh đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức chia nhau quyền lãnh đạo để bảo đảm quyền công bằng.

Vì trong liên minh đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức bảo đảm có thu nhập cao.

Vì trong liên minh đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức được quan tâm đặc biệt.

Câu 27: Liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong thời kỳ quá độ lên CNXH là?

**Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp trí thức đoàn kết, hợp tác để cùng nhau xây dựng quan hệ sản xuất mới – xã hội chủ nghĩa.**

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp trí thức đoàn kết, hợp tác để cùng nhau xây dựng đường lối phát triển kinh tế đúng đắn để xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp trí thức đoàn kết cùng nhau phát triển kinh tế hàng hóa.

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp trí thức đoàn kết cùng nhau xây dựng nguyên tắc phân phối.

Câu 28: Một trong những nguyên tắc để tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dan và tầng lớp trí thức là gì?

**Lợi ích của các giai cấp, tầng lớp trong liên minh luôn được đảm bảo.**

Các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh đó đều là lực lượng lao động chủ yếu trong xã hội.

Các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh đó đều là lực lượng yếu thế trong xã hội.

Các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh đó đều là lực lượng có nhận thức cao.

Câu 29: Giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội biến đổi theo xu hướng nào? (phương án đúng nhất).

**Xu hướng tri thức hóa.**

Xu hướng hiện đại hóa.

Xu hướng hội nhập quốc tế.

Xu hướng dân tộc hóa.

Câu 30: Xu hướng biến đổi của giai cấp nông dân Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là?

**Giai cấp nông dân chuyển dịch trở thành một bộ phận của giai cấp công nhân.**

Giai cấp nông dân chuyển sang sản xuất hàng hóa.

Giai cấp nông dân trở thành giai cấp lãnh đạo xã hội.

Ba nhận định trên đúng.

Câu 31: Hoàn thành nhận định sau: Đội ngũ doanh nhân Việt Nam hiện nay là:

**Sản phẩm của thời kỳ đổi mới ở Việt Nam.**

Sản phẩm của cách mạng giải phóng dân tộc.

Sản phẩm công cuộc áp dụng khoa học công nghệ.

Lực lượng lãnh đạo trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Câu 32: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên …liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Dấu “…” là?

**Nền tảng.**

Cơ sở.

Động lực.

Mục tiêu, nhiệm vụ.

Câu 33: Vì sao ĐCS Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo khối liên minh giai cấp công nhân – nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam? (phương án đúng nhất).

**Vì ĐCSVN là đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.**

Vì ĐCSVN có đường lối, cương lĩnh lãnh đạo đúng đắn để lãnh đạo giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Vì ĐCSVN bao gồm đại diện của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Vì Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức chính trị rộng rãi nhất.

Câu 34: Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ gồm những nội dung cơ bản nào?

Liên minh về kinh tế.

Liên minh về chính trị.

Liên minh về văn hóa – xã hội.

**Ba nhận định trên đúng.**

**CHƯƠNG 6**

**Câu 1:** Dân tộc là gì?

**Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ lãnh thổ, kinh tế, văn hóa, chính trị.**

Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ kinh tế, văn hóa, chính trị.

Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ giữa người với người.

Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ hôn nhân và huyết thống.

Câu 2: Hình thức cộng đồng người nào ra đời trước cộng đồng dân tộc?

**Thị tộc.**

Bộ tộc.

Trưởng tộc.

Huyết tộc.

Câu 3: Đặc trưng nào không thuộc về đặc trưng của dân tộc – tộc người?

**Có lãnh thổ chung.**

Cộng đồng về ngôn ngữ.

Có đặc điểm chung về bản sắc văn hóa.

Có ý thức tự giác tộc người.

Câu 4: Thị tộc là hình thức cộng đồng người xuất hiện trong thời đại:

**Công xã nguyên thủy.**

Chiếm hữu nô lệ.

Xã hội phong kiến.

Ba nhận định trên.

Câu 5: Tiêu chí cơ bản nào phân biệt sự khác nhau giữa các dân tộc – tộc người?

**Bản sắc văn hóa của dân tộc.**

Trình độ phát triển của dân tộc.

Chế độ chính trị của dân tộc.

Địa bàn nơi cư trú của các dân tộc.

Câu 6: Sự khác nhau giữa các dân tộc – quốc gia và dân tộc – tộc người biểu hiện ở:

**Lãnh thổ.**

Kinh tế.

Chính trị - xã hội.

Văn hóa.

Câu 7: Phương án đúng nhất: Một trong những nguyên nhân dẫn đến xu hướng liên hiệp dân tộc là:

**Sự phát triển của LLSX và khoa học công nghệ, nhu cầu liên minh về kinh tế, chính trị, văn hóa và quân sự.**

Nhu cầu giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị giữa giai cấp tư sản và giai cấp tư sản.

Sự phát triển của sản xuất và khoa học công nghệ, nhu cầu liên minh về kinh tế, chính trị, văn hóa và quân sự.

Nhu cầu giải quyết mâu thuẫn về kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Câu 8: Trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của dân tộc diễn ra theo xu hướng?

**Xu hướng độc lập dân tộc và liên hiệp dân tộc.**

Xu hướng bình đẳng và đoàn kết.

Xu hướng tôn trọng lợi ích của tất cả các dân tộc.

Xu hướng đáp ứng mọi nhu cầu của các dân tộc.

Câu 9: Chỉ ra luận điểm không chính xác:

**Quyền tự quyết dân tộc là ảo tưởng đối với các dân tộc kém phát triển.**

Quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở cho quyền tự quyết dân tộc.

Quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc không tự nhiên mà có.

Quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc đi liền với nhau.

Câu 10: Chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác – Lênin, yếu tố nào quyết định đến thực hiện quyền bình đẳng dân tộc?

**Xóa bỏ tình trạng giai cấp này áp bức, bóc lột giai cấp khác trên cơ sở xóa bỏ chế độ tư hữu.**

Xóa bỏ tình trạng chênh lệch trong phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc.

Nhà nước có chủ trương chính sách đúng trong giải quyết quan hệ dân tộc.

Ba nhận định trên.

Câu 11: Với chủ nghĩa xã hội, quan hệ dân tộc có xu hướng như thế nào?

**Ngày càng bình đẳng.**

Ngày càng xung đột.

Ngày càng mâu thuẫn gay gắt.

Ngày càng khác biệt giữa các dân tộc.

Câu 12: Ở phương Tây sự hình thành dân tộc gắn liền với sự ra đời của chế độ:

**Tư bản chủ nghĩa.**

Phong kiến.

Nguyên thủy.

Chiếm hữu nô lệ.

Câu 13: Nội dung nào không thuộc Cương Lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin?

**Liên hiệp tất cả các dân tộc.**

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

Các dân tộc có quyền tự quyết.

Các dân tộc có quyền bình đẳng.

Câu 14: Cộng đồng về ngôn ngữ, cộng đồng về văn hóa và ý thức tự giác tộc người. Được hiểu là:

**Đặc trưng cơ bản của dân tộc – tộc người.**

Cương lĩnh dân tộc.

Đặc điểm của dân tộc.

Chính sách về dân tộc.

=======

**Câu** 15: Nguyên nhân nhận thức cho sự tồn tại của tín ngưỡng tôn giáo là?

**Con người chưa nhận thức và chế ngự được các hiện tượng tự nhiên, xã hội.**

Con người sợ thần linh.

Con người tin vào sức mạnh thần linh.

Ba nhận định trên sai.

Câu 16: Sự xuất hiện các tộc người trong lịch sử (sắp xếp nào đúng)?

**Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc.**

Bộ tộc, bộ lạc, thị tộc, dân tộc.

Bộ lạc, bộ tộc, thị tộc và dân tộc.

Thị tộc, bộ tộc, bộ lạc, dân tộc.

Câu 17: Dân tộc ở châu Á hình thành từ khi nào?

**Khi cộng đồng hợp sức chống thiên tai và giặc ngoại xâm.**

Khi ý thức dân tộc trỗi dậy.

Khi CNTB hình thành và phát triển.

Ba nhận định trên.

Câu 18: Dưới CNXH, tôn giáo vẫn tồn tại do các nguyên nhân:

**Nhận thức, kinh tế, tâm lý, chính trị, văn hóa.**

Nhận thức, chính trị.

Nhận thức, tư tưởng văn hóa.

Nhận thức, kinh tế văn hóa tư tưởng.

Câu 19: Một trong những quan điểm cơ bản của CNMLN trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo là phân biệt rõ 2 mặt:

**Chính trị và tư tưởng.**

Chính trị và văn hóa.

Chính trị và xã hội.

Chính trị và kinh tế.

Câu 20: Trong chủ nghĩa xã hội cần phải:

**Bảo đảm tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.**

Hạn chế sự phát triển của tôn giáo.

Đấu tranh xóa bỏ tôn giáo.

Tạo điều kiện cho tôn giáo phát triển.

Câu 21: Sự bất lực của con người trước sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội là nội dung của nguyên nhân nào lý giải sự tồn tại của tôn giáo trong tiến trình xây dựng CNXH?

**Nhận thức.**

Chính trị xã hội.

Kinh tế.

Tâm lý.

Câu 22: Việt Nam hiện nay có bao nhiêu tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân?

**Có 16.**

Có 13.

Có 21.

Có 43.

Câu 23: Tính lịch sử của tôn giáo biểu hiện:

**Tôn giáo luôn có sự phát triển cùng với sự vận động và phát triển của xã hội.**

Tôn giáo không phát triển cùng với sự vận động và phát triển của xã hội.

Tôn giáo mất đi khi sự vận động và phát triển của xã hội.

Tôn giáo tồn tại trong xã hội có áp bức, phân chia giai cấp.

Câu 24: Nguồn gốc tự nhiên của tôn giáo là:

**Từ sự bất lực của con người trước những lực lượng tự nhiên và xã hội.**

Từ sự phân chia giai cấp.

Từ sự xuất hiện các cộng đồng dân tộc.

Từ nhu cầu thực tế.

Câu 25: Vì sao tôn giáo mang tính quần chúng?

**Vì tôn giáo đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân.**

Vì tôn giáo đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Vì tôn giáo là sản phẩm của con người.

Vì tôn giáo mang tính giai cấp.

Câu 26: Tính chính trị của tôn giáo xuất hiện khi:

**Xã hội có phân chia giai cấp.**

Tôn giáo xuất hiện.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ba nhận định trên.

Câu 27: Một trong những quan điểm cơ bản của CNMLN trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo là dựa trên:

**Quan điểm lịch sử - cụ thể.**

Quan điểm toàn diện.

Quan điểm phát triển.

Quan điểm văn hóa xã hội.

Câu 28: Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo, được hiểu là:

Công dân có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Công dân không có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Công dân có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau.

**Ba nhận định trên.**

Câu 29: Nguyên nhân văn hóa lý giải sự tồn tại của tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là do:

**Tôn giáo có ý nghĩa giáo dục ý thức cộng đồng, lối sống trong nhân dân.**

Tôn giáo bị các thế lực thù địch lợi dụng.

Những giá trị văn hóa của tôn giáo còn phù hợp.

Ba nhận định trên.

Câu 30: Thực chất việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là?

**Khắc phục dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo.**

Xóa bỏ hoàn toàn các tổ chức tôn giáo.

Đấu tranh chống các lực lượng siêu nhiên.

Ba nhận định trên.

Câu 31: Chức năng nhà nước trong công tác tôn giáo là:

**Quản lý hoạt động tôn giáo theo chính sách, pháp luật.**

Quản lý tín đồ và hàng ngũ chức sắc.

Lãnh đạo công tác tôn giáo.

Trấn áp các tổ chức tôn giáo.

**CHƯƠNG 7**

Câu 1: Xã hội loài người muốn tồn tại được thì phải thông qua:

Sản xuất của cải vật chất.

Sản xuất tinh thần.

Sản xuất ra con người.

**Ba nhận định trên.**

Câu 2: Gia đình là hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố trên cơ sở:

Hôn nhân.

Quan hệ huyết thống.

Quan hệ nuôi dưỡng.

**Ba nhận định trên.**

Câu 3: Chế độ mẫu hệ tồn tại trong quan hệ:

**Quan hệ huyết thống.**

Quan hệ nuôi dưỡng.

Quan hệ hôn nhân.

Ba nhận định trên sai.

Câu 4: Vị trí của gia đình trong xã hội hiện nay là:

Gia đình là tế bào của xã hội.

Gia đình là tổ ấm.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

**Ba nhận định trên.**

Câu 5: Một trong những chức năng cơ bản của gia đình là:

**Tái sản xuất ra con người.**

Cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

Sự hài hòa trong đời sống cá nhân.

Tế bào của xã hội.

Câu 6: Một trong những chức năng cơ bản của gia đình là:

**Nuôi dưỡng, giáo dục.**

Cầu nối giữa cá nhân với xã hội.

Sự hài hòa trong đời sống cá nhân.

Tế bào của xã hội.

Câu 7: Hôn nhân tự nguyện là:

**Hôn nhân xuất phát từ tình yêu chân chính.**

Hôn nhân xuất phát từ kinh tế.

Hôn nhân xuất phát từ nhận thức.

Ba nhận định trên.

Câu 8: Gia đình là:

**Gia đình là một cộng đồng xã hội đặc biệt, tồn tại lâu dài trong lịch sử xã hội.**

Gia đình là một cộng đồng xã hội đặc biệt, tồn tại trong một giai đoạn lịch sử.

Gia đình là một tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

Gia đình là cầu nối giữa các bộ phận trọng hệ thống chính trị.

Câu 9: Chức năng cơ bản của gia đình là:

Chức năng thế giới quan.

**Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng.**

Chức năng phương pháp luận.

Chức năng định hướng lý tưởng.

Câu 10: Cơ sở hình thành nên gia đình là:

**Quan hệ hôn nhân.**

Quan hệ văn hóa.

Quan hệ chính trị.

Quan hệ xã hội.

Câu 11: Hồ Chí Minh nói: Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, hạt nhân của xã hội là … Trong dấu “…” là từ?

**Gia đình.**

Cá nhân.

Cộng đồng.

Dân tộc.

Câu 12: Đặc trưng của cộng đồng gia đình là?

**Yếu tố tình cảm.**

Yếu tố tâm lý.

Yếu tố kinh tế.

Yếu tố chính trị.

Câu 13: Chế độ hôn nhân tiến bộ dựa trên cơ sở nào?

Hôn nhân tự nguyện.

Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Hôn nhân được bảo đảm về pháp lý.

**Ba nhận định trên.**

Câu 14: Yếu tố nào quyết định nhất đến sự ra đời gia đình một vợ một chồng?

**Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.**

Chế độ hôn nhân tiến bộ.

Nhu cầu sản xuất hàng hóa.

Nhu cầu phát triển sản xuất tự cung tự cấp.

Câu 15: Đặc điểm của hình thức gia đình tập thể là?

**Chế độ mẫu hệ.**

Chế độ phụ hệ.

Chế độ tư hữu.

Chế độ bóc lột.

Câu 16: Trong chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 xác định: Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, …, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Dấu “…” là?

**Tiến bộ.**

Bền vững.

Công bằng.

Bình đẳng.

Câu 17: Thông điệp mới trong chức năng tái sản xuất ra con người ở Việt Nam những năm 20 của thế kỷ 21 là?

**Mỗi gia đình nên sinh đủ 2 con.**

Mỗi gia đình chỉ nên có 1 con.

Mỗi gia đình có từ 1 đến 2 con.

Mỗi gia đình nên sinh con theo ý muốn.

Câu 18: Từ còn thiếu trong dấu “…” để hoàn thiện câu nói của Hồ Chí Minh: Nếu không … là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ có một nửa.

**Giải phóng phụ nữ.**

Giải phóng con người.

Giải phóng dân tộc.

Giải phóng giai cấp.

Câu 19: Từ còn thiếu trong dấu “…” để hoàn thiện luận điểm của Ph.Ăngghen: Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở … mới là hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó … được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi.

**Tình yêu/tình yêu.**

Sự tự nguyện/sự tự nguyện.

Sự bình đẳng/sự bình đẳng.

Sự công bằng/sự công bằng.

Câu 20: Chọn một trong chức năng cơ bản của gia đình là:

**Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.**

Chức năng tổ chức xây dựng xã hội.

Chức năng thế giới quan.

Chức năng phương pháp luận.

Câu 21: Điều kiện quy định các hình thức tổ chức gia đình là? (phương án đúng nhất)

**Kinh tế - xã hội.**

Tâm lý – xã hội.

Chính trị - xã hội.

Ba nhận định trên.

Câu 22: Xã hội loài người đã trải qua các hình thức cộng đồng gia đình nào?

Gia đình huyết tộc.

Gia đình đối ngẫu.

Gia đình một vợ một chồng.

**Ba nhận định trên.**

Câu 23: Trong nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng gia đình văn hóa dựa trên cơ sở nào?

Giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Xóa bỏ những yếu tố lạc hậu của gia đình cũ.

Tiếp thu giá trị tiến bộ của nhân loại về gia đình.

**Ba nhận định trên.**

**Câu 24:** Quan hệ nào là mối quan hệ tự nhiên, mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau?

**Quan hệ huyết thống.**

Quan hệ hôn nhân.

Quan hệ nuôi dưỡng.

Ba nhận định trên.

Câu 25: Gia đình Việt Nam hiện nay đang tồn tại mô hình:

Người phụ nữ - người vợ làm chủ.

Người đàn ông – người chồng làm chủ.

Cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình.

**Ba nhận định trên đúng.**